

TRANG LONG - HÀ NỘI NGÀN NĂM VĂN HIẾN

LÝ KHẮC CUNG

HÀ NỘI

Văn hóa
và
Phong tục



NHÀ XUẤT BẢN THẠCH LAM

Mục lục

CHƯƠNG I: DẤU TÍCH	5
CHÙA VUA	6
ĐÌNH ĐẠI	8
LỄ HỘI CHÙA TRĂM GIAN	11
CHUYỆN NGÔI ĐÌNH	15
CHUYỆN CÁI AO LÀNG	19
BA NGÔI MỘ “HỒNG NHAN”	23
CHUYỆN CON TRÂU	27
CÂY ĐÀ	30
CHUYỆN CÁI CHỢ	33
CHUYỆN CÁI CỔNG LÀNG	37
NHỮNG PHO TƯỢNG QUÝ HIẾM	41
CÂY GẠO	44
CON NGHÊ ĐÁ	47
MIẾU ĐỒNG CỔ	49
CHỢ GIÒI HÀ NỘI	52
CÁI CẦU MÁI NGÓI	55
NINH HIỆP	59
CHƯƠNG II PHONG TỤC	62
TẾT NHỮNG NĂM XUA	63
MÂM NGŨ QUẢ	67

TRANH TẾT	69
CÁNH ĐU MÙA XUÂN	73
NGÀY RẪM THÁNG GIÊNG	76
MÙA CỎM, MÙA HỒNG.....	79
CÚNG CHÁO Ở XÓM AO NGANG.....	81
TẾT TRUNG THU Ở HÀ NỘI	85
ĐÈN ĐÊM TRUNG THU.....	88
ÔNG GIẢNG ÔNG GIẢNG.....	90
ĐÁM CƯỚI NGÀY XUA	92
NGHI THỨC TANG LỄ TRUYỀN THỐNG	94
CHUYỆN ĐÓT VÀNG MÃ.....	97
BÓI TUỒNG	102
HỘI LÀNG XUA.....	104
PHÁO TRONG VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG	107
CHƯƠNG III: NGHỆ THUẬT ẨM THỰC	110
CỔ VÀ MÂM CỔ HÀ NỘI XUA.....	111
NHỮNG BƯỚC THĂNG TRẦM CỦA PHỞ	115
BÚN CHẢ	118
BÚN THANG	121
THỊT CÀY, QUÁN THỊT CÀY LÁI CHÓ	124
CHẢ CÁ	129
BÀN VỀ GIA VỊ	131
NƯỚC LỌ CƠM NIÊU	134
RƯỢU!	137
NGƯỜI HÀ NỘI UỐNG RƯỢU	140

BÁNH BÈO.....	143
BÁNH TRUNG THU.....	146
TRÀ ĐẠO.....	149
CHUYỆN BẾP NÚC.....	152
BÚN ỐC HÀ NỘI.....	156

Tailieu.vn

TaiLieu.vn

CHƯƠNG I: DẤU TÍCH

Tailieu.vn

CHÙA VUA

Ở làng Chùa Vua, nay thuộc làng Thịnh Yên (quận Hai Bà Trưng), hàng năm có ba ngày lễ hội truyền thống vào ngày mồng 6, mồng 7, mồng 8 tháng giêng và ngày mồng 9 là ngày các tay cao cờ tranh ngôi quán quân. Làng Thịnh Yên có tục lệ các Cô gái lấy chồng xa và các chàng trai lấy vợ xa đều phải thu xếp về làng ăn Tết và dự Hội.

Hội có phần lễ, rước xách và các trò chơi như đấu vật chọi gà và thi cờ tướng. Đất này thờ Đế Thích một ông vua cờ tướng nên môn cờ tướng được coi trọng đặc biệt.

Chùa Vua là một quần thể kiến trúc trang nghiêm, đẹp đẽ và cầu kỳ. Cái độc đáo của quần thể kiến trúc này là có chùa và đình đều thờ vua Đế Thích. Ngay sau đây là đền thờ Mẫu, một trong tứ bất tử và thân phụ Trần Hưng Đạo. Nghĩa là thờ Phật Lão, Nho, Tam giáo đồng lưu. Từ đời Lê, quần thể kiến trúc này gọi là Điện Thừa Lương, là nơi Vua, các hoàng tử, các đại thần, hoàng thân nghỉ lại để chuẩn bị làm lễ tế ở đàn Nam Giao. Đàn Nam Giao trước đây tượng của ông trong cuộc khởi nghĩa Yên Thế. Khi khởi nghĩa thất bại, ông Điều trốn về Hà Nội rồi trụ trì chùa. Cũng chính ở đây, đồng chí Nguyễn Phong Sắc, xứ Bắc Kỳ đã sử dụng các vòm sau bệ tượng vua Đế Thích làm nơi đi về, hoạt động và ăn náu. Ngày 10-4-1956, đồng chí Trần Danh Tuyên đưa Bác Hồ đến thăm chùa. Bác xem lại mấy hố vòm sau tượng rồi đi về phía trước. Bác đặt mũ lên ngực, cúi đầu. Sau một lúc yên lặng, Bác bảo bà Lê Thị Hiền là người trông chùa rằng: “Bà trông giúp chùa cho cẩn thận, đừng để mất mát gì”.

Theo huyền thoại, vua Đế Thích là nhân vật thứ hai sáu Ngọc Hoàng. Ở Ấn Độ và Trung Quốc cũng thờ Đế Thích với cương vị như vậy. Đế Thích còn là vua cờ tướng. Từ xa xưa, đất Chùa Vua đã có những lò cờ tướng hay nhất nước. Các danh thủ mọi nơi đều phải kéo về chùa Vua để thi đấu và học tập.

Đến năm 1992, đã có 70 danh thủ đến tranh giải qua các kỳ hội lễ. Mọi người trầm trồ về tài năng của các danh thủ như Vệ, Ngọc, Lợi, An... Cụ Hứa Tiến là một trong ngũ tốt, lý kiệt, đã từng là kiện tướng châu Mỹ. Cường vô địch cuộc thi cờ tướng 1991, Phác là nỗi lo lắng của danh thủ bất cứ tỉnh nào. Các đại biểu miền Nam cũng đến thăm thú những nước cờ hay trong trận đấu. Ở đây có cả cờ bơi và cờ bàn...

Hiện nay, Chùa Vua còn giữ được 14 pho tượng đẹp bằng gỗ hoàng đàn. Nổi bật nhất là pho tượng vua Đế Thích cao khoảng 1,6m. Một bức cửu long chạm trổ tinh vi, hai đỉnh đồng thời Nguyễn, một quả chuông nhỏ thời Cảnh Thịnh, hai quả chuông to thời Lê, hai chóa lớn cao chừng 1,6m được đúc từ thời Lê. Khu vực chùa Vua, từ mái đình cổ kính đến những cây nhãn, ôi cổ thụ, bức tượng, đôi chóa, bia ký đến quả chuông...đều tỏa ra những lời văn vi khôn nguôi với hiện tại và tương lai...

ĐÌNH ĐẠI

Đình Đại nằm trong cụm di tích phía Bắc khu vực Bạch Mai, thuộc phường cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, bên cạnh chùa Liên Phái, chùa vương Tuyết, đình Đông, đình Tô Hoàng, chùa Vua, đàn Nam Giao (nay là nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo). Ngôi đình đặc biệt này có kiến trúc giống như những đình cổ của Việt Nam nói chung.

Nó được xây dựng với quy mô khá lớn. Tiền đình cao, rộng, khoáng đạt gồm 5 gian. Hậu cung gồm 3 gian, Tam quan thoáng, mái đình cong, lợp ngói ta. Sân đình rộng, lát gạch cổ, có vườn cây, vườn hoa và một giếng thơi hình bầu dục. Khung cửa Đình Đại làm theo kiểu bức bàn. Kết cấu khung xương đều in bằng gỗ được giữ vững bởi nhiều cột cái và cột quân to và cao bằng gỗ tứ thiết.

Không gian Đình Đại được mở rộng, mở ra bốn phương tám hướng chứ không xây gạch kín xung quanh. Mọi người có thể đến thăm đình từ bất kỳ hướng nào, qua những con đường tắt và đường lớn. Năm 1592, quân nhà Mạc đã giao tranh với Trịnh Trọng tại đây. Ngay sát cạnh cổng Tam quan là con đường Thiên Lý nổi tiếng. Nối liền Thăng Long với các trấn và các tỉnh phía Nam là một con đường nhỏ, dài hun hút qua những đồi cây cối rậm rạp và cả một rừng mai (nay thuộc khu vực Bạch Mai và Trương Định).

Đình Đại được xây dựng cách đây khá lâu và đã trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa lớn vào những niên hiệu Vĩnh Thịnh (1705), Cảnh Hưng (1774), Minh Mạng (1840), Thành Thái, Khải Định. Thoạt đầu, Đình Đại chỉ có gian giữa thờ đức Thành Hoàng cao 5m. Đại vương thần là một trong 50 người con lên núi của Lạc Long Quân và Âu Cơ, sau này là thuộc tướng thân cận của Sơn Tinh. Bên trái thờ thân mẫu của Đại Vương ghép với mẫu Liễu Hạnh. Bên phải thờ các cô, cậu của Lão Giáo, nghĩa là cũng có màu sắc Tam giáo đồng lưu. Đình Đại còn thờ cả

hai ông phông là hai người hầu cận của Đại Vương với nét mặt tươi cười, hóm hỉnh và cũng mang những nét chất phác của con người đồng quê Việt Nam. Đó chính là hình ảnh của các vai “hề chèo” xuất hiện sau này, người bình dân yêu tiếng cười là vậy.

Các mảng trang trí được tập trung vào bức cốn nách giữa tòa đại đình. Đề tài trang trí là rồng leo và uốn khúc, vây cá, trăng sao... Có dáng dấp từ đời Lê. Bên cạnh có những bức chạm khắc rồng phượng, âm dương tương xứng với những họa tiết sông, nước, mây trời, những bức cửa võng, cuốn thư, hoành phi, câu đối... Tất cả đều được chạm khắc tỉ mỉ và Sơn Son thếp vàng choáng ngợp, vừa là những bức họa, vừa có tiết tấu nhạc điệu với một nghệ thuật điêu luyện độc đáo.

Gian chính giữa phần cung cấm được đặt một sập thờ Phía trên là ngai của đức Thành Hoàng. Bên cạnh đó là hai chiếc kiệu bát cống còn nguyên vẹn. Những chiếc kiệu bát cống được chạm, khắc và sơn son thếp vàng với cơ man nào là những hoa văn sinh động và duyên dáng, đây là một trong những nét tiêu biểu của niên hiệu Gia Long. Đình còn giữ được hai hòm đựng 7 sắc phong của niên hiệu Minh Mạng (1821) và Khải Định (1924); hai tấm bia có niên hiệu Vĩnh Thịnh (1705) và niên hiệu đời Nguyễn, bảy bức hoành phi, cuốn thư, bảy đôi câu đối, ba chiếc hương án... Đình cũng còn giữ được 4 bát hương, trong đó có một chiếc được làm bằng đá, một bộ bát bửu, một Cồng, một chiêng.

Trước đây, Đình Đại cũng như các đình làng khác, vẫn có những buổi cúng lễ, rước xách. Nhưng Đình Đại còn trở thành nơi tập trung tứ chiếng của mọi người các ngả. Thời đó, cứ 5 giờ chiều là cửa ô Cầu Dền đóng kín lại, không ai được ra vào thành, chỉ trừ những người cầm hỏa bài “Khẩn cấp”. Tất cả những ai muốn vào thành đều phải nghỉ lại ở Đình Đại, đợi đến sáng hôm sau, khi cửa ô mở, mới được vào. Cũng có một số người buôn bán muốn tranh thủ thời gian đã vào thành từ lúc 4 giờ chiều, nhưng phải nghỉ lại ở một cái chợ, ăn uống, nghỉ đêm và sửa soạn lại hàng để sáng sớm hôm sau có hàng bán ở các chợ và các phố trong thành. Nơi tập trung này gọi là chợ Hôm (tên này được giữ cho đến tận bây giờ). Vì vậy mà Đình Đại là nơi dừng chân của đủ mọi lớp người

trong xã hội. Ngoài ra, Đình Đại còn là một khu du lịch, vui chơi sầm uất của một thời mọi người đến đây có thể tùy hứng đi thăm các chùa, đền, đình ở gần đó hoặc xuống các vườn mơ bát ngát với các quán rượu ven đường, hoặc đến các quán ăn Vân Hồ. Rượu làng Mơ và nước mắm Kẻ Đô trước hết được đem bán ở đây rồi mới tỏa đi khắp nơi và đã trở nên nổi tiếng.

Đình Đại là một di tích trong quần thể di tích lịch sử văn hóa và du lịch có giá trị của quận Hai Bà Trưng. Nhưng, cũng như số phận của một số di tích khác, Đình Đại chưa được chú ý một cách xứng đáng. Một số gian đình bị lở, sứt, đồ gỗ bị mọt, con người đã dần lấn chiếm, xâm phạm quanh đình. Cổng Tam quan, sân, vườn cây, vườn hoa, giếng bầu dục... đã không còn nữa làm cho cảnh quan của Đình Đại bị thu hẹp. Thiết nghĩ cần phải có sự quan tâm đặc biệt hơn nữa đến việc khôi phục sửa chữa và trùng tu Đình Đại để hình ảnh về Đình Đại mãi đẹp trong tâm trí bao người.

LỄ HỘI CHÙA TRĂM GIAN

Chùa Trăm Gian thuộc xã Tiền Phương; huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây. Đây là ngôi chùa cổ dựng trên quả đồi cao chừng 50 mét, có cây cao bóng cả và đậm một màu cổ tích. Xung quanh là những ngọn núi Phụng Hoàng vỗ cánh, núi Hoàng Xá có dáng con voi quỳ núi Đồng Lư, núi Sơn Lộ, núi Trầm. Chùa có đủ 100 gian. Cứ 4 cột là một gian, có trên 400 cột. Mỗi cột trụ trên một hòn đá chạm hình cánh hoa sen. Dãy lan can quanh chùa, cũng như các bậc thềm bằng đá có chạm trổ. Trên các ván long, lá gió, đầu, xà v.v... có hình: mây, hoa lá, rồng, tiên nữ...

Phía trước chùa có gác chuông cao hai tầng, chồng diêm, tám mái, nằm trên đồi cao với hàng trăm bậc đá. Đây là công trình kiến trúc giá trị làm bằng gỗ quý với các đầu đao cao vút, mềm mại. Trên “gác chuông có treo một quả chuông lớn, đúc vào năm 1794 thời Tây Sơn với bài minh của Trần Bá Hiên, người xã Vân Canh.

Trong chùa có 153 pho tượng được xây dựng từ đời Lý. Hầu hết đều bằng gỗ, một bộ bằng đất, sơn son thếp vàng Đặc biệt bộ tượng được xây bằng gạch có hoa văn của thế kỉ 16 - 17. Bên cạnh có tám bia đá dựng vào năm Cảnh Thịnh thứ 5 (1794) có ghi lại chiến công của Đô đốc Đặng Tiến Đông do Phan Huy Chú viết, tất cả đều là những tác phẩm hiếm có thời Tây Sơn để lại.

Lễ hội chùa Trăm Gian được tổ chức vào hai ngày của thượng tuần tháng hai âm lịch được xem là “tốt ngày” Khi đốt xong một bánh pháo treo trên cành đa cao xuống sát mặt đất, các chân kiệu bắt đầu rước long kiệu từ trong chùa bước ra, long kiệu ra tới cửa Trung quan, đám rước phải đứng lại, chờ quan viên và các chân kiệu của xã giao hiếu (kết nghĩa) đến đầy và đứng vào hàng ngũ chỉnh tề, đám rước mới bắt đầu di chuyển. Trong đám rước, xã đàn anh đi đầu, xã này thường là xã thờ thần sớm nhất, có đông dân nhất, đồng thời cũng là xã đa tài nhất. Các

xã bạn cũng phái kiệu của mình tới hoặc phái một chân kiệu để thay vai khiêng kiệu cùng với xã chủ nhà.

Đi đầu là hai lá cờ “Tiết Mao”. Kế đèn là 5 cờ đuôi nhều gọi là cờ ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ và những lá cờ vuông: đen, trắng, vàng, đỏ, xanh... Sau đó là 4 lá cờ tứ linh: long, ly, quy, phượng. Người cầm cờ đội nón có chóp nhọn hoặc chít khăn tai chó, thắt lưng bó que xanh đỏ, chân đi xà cạp.

Sau cờ là trống cái do hai người khiêng. Trống cái do thủ hiệu đánh bằng chiếc dùi sơn son thếp vàng. Một người vác lọng che cho thủ hiệu và trống. Đi sau trống là chiêng, cũng do hai người khiêng và có lọng che. Khi đi rước, thủ hiệu đánh một tiếng trống, lại đánh một tiếng chiêng. Tiếng trống thúc giục, tiếng chiêng trầm hùng, ngân nga như tiếng của ngàn xưa vọng về.

Sau đoàn trống và chiêng là sự diễu hành của đôi ngựa bạch, đôi ngựa hồng và đôi voi. Dưới chân những con vật linh thiêng này có những bánh xe lăn. Mỗi con vật đều được che lọng và có một chiến binh đi bên cạnh...

Hai chiếc tán thêu long, phượng đi trước mở đường cho các chấp kích lang nai nịt, mang lộ bộ, kim qua, phủ việt, chùy đồng... Các chấp kích lang đi hai bên. Họ là những chàng trai dũng cảm, xông pha trận mạc khi xưa, ở giữa họ là một quan viên mặc áo thụng xanh, có lọng che, mang một chiếc biển có phủ vải đỏ ghi mấy chữ: “Thượng đẳng tối linh thần” (thánh tối linh hạng nhất):

Sau đoàn chấp kích là phường “Đồng Văn” gồm 2 người chỉ huy cầm trống khẩu, một người cầm thanh la, 2 người cầm sênh tiền, 8 người đánh trống bản đeo 8 thắt lưng. Họ đánh bằng hai dùi nhỏ có hai chàng thanh niên mặt hoa da phấn đóng giả là hai cô gái đeo hai chiếc trống cơm làm “Con đĩ đánh bông”. Họ vừa múa vừa hát, vừa vỗ trống; mắt nhìn ngang, nhìn dọc, lẳng lơ như nắng mùa xuân.

Sau đó, một ông già có dáng tiên phong đạo cốt, mặc áo thụng đỏ màu máu, vái lá cờ “Vía”. Cờ bằng vóc đỏ viền vàng có thêu chữ “Lệnh”. Lá cờ này cũng được lọng che. Đó là lệnh của thần linh. Thỉnh thoảng cờ

lệnh được phát lên ào ào, nhắc lại thời chinh chiến oai hùng của thần. Ngay sau đó là màn gươm tuốt trần do ba người điều khiển.

Đến phường bát âm gồm 8 nhạc cụ, phát ra từ 8 hệ thống âm thanh của 8 vật liệu khác nhau: Bào (quả bầu), Mộc (gỗ thạch (đá), Kim (kim khí), Ti (sợi tơ), Trúc (tre)... Chúng là những náo bạt, đàn, sênh tiền, kèn, trống nhỏ, nhị, sáo hoặc tiêu...

Phường bát âm thường có mấy điệu Lưu Thủy, Hành Vân, Ngũ Đối trong suốt cuộc rước. Khi trang nghiêm có lệnh thì cử nhã nhạc.

Sau phường bát âm là long đình. Đó là chiếc, nhỏ và cao có mái che. Trong có bày hương án, ngũ quả đỉnh trầm và bát hương có cắm những nén hương đang cháy nghi ngút. Long đình có 4 người khiêng và có 4 người đi bên cạnh để thay vai nhau. Họ đều là những chàng trai trẻ đẹp, có tầm cao ngang nhau. Đi trước long đình có 1 người cầm trống khẩu và một người cầm cảnh. Thỉnh thoảng họ lại đánh lên một hồi trống và một hồi cảnh. Tất cả những chàng trai này đều ăn mặc theo kiểu khổ bao khăn vắt và đeo trước ngực một chuỗi vòng tết bằng hoa bưởi toả ngát hương thơm. Hai bên long đình có tàn, quạt, lọng. Rồi đến một loạt người cầm cờ, vung lên. Họ ăn mặc quần áo có nẹp xanh đỏ, bó xà cạp đen, hộ vệ cho hai chàng trai cầm lọng vàng. Hai chàng này là hai anh chàng đẹp trai nhất làng. Họ đi hài và trên ngực tết một bông hoa lớn.

Tiếp đến là hai long kiệu bát cống. Mỗi long kiệu có 8 người khiêng và 8 người đi kèm. Đó là long kiệu của Đức Thánh ông và Đức Thánh Bà. Những người khiêng kiệu, đầu chít khăn xanh, mặc quần xanh, thắt lưng bao vàng, đi ủng. Các cô hầu, các quan viên đi hộ giá kiệu đều mặc áo thụng, khăn xếp...

Không khí tưng bừng náo nhiệt, hương khói mù mịt, tiếng chiêng trống, đàn sáo nổi lên làm cho mọi người như say rượu. Thỉnh thoảng, những chàng trai khiêng kiệu lại đi nhanh, tăng tốc độ và reo vang lên. Lúc này người ta gọi là kiệu bay...rước, sau và xung quanh đám rước người đông nghìn nghịt...

Đám rước đi vòng quanh xóm chùa rồi trở về chùa. Lúc đó là lúc bắt đầu có những cuộc tế lễ. Mọi người vào lễ, kẻ trước người sau hoặc vào cùng một lúc.

Sau khi đám rước ngừng lại trước cổng chùa, người ta tổ chức các cuộc vui chơi, mở hội. Có phường hát Rô ở Quốc Oai đến, phường chèo tàu từ Đan Phượng sang. Có cả đặc sản “Xẩm chợ” Hà Đông.

Chùa Trăm Gian là một trong những ngôi chùa cổ nhất miền Bắc. “Mở hội ở chùa là hình thức tổ chức sớm hơn kiểu tổ chức ở đình. Do vậy, lễ hội chùa Trăm Gian còn vọng lại nhiều âm thanh và màu sắc điển hình của một quá khứ xa xưa với những nét hùng tráng mang tính nghệ thuật.

CHUYỆN NGÔI ĐÌNH

Ở các làng, xã Việt Nam xưa, hầu như làng nào cũng có một ngôi đình. Có ngôi đình chung cho cả mấy xã hoặc huyện. Đình nằm ở một không gian trung tâm, rộng lớn và có phong cảnh đẹp của làng quê Việt Nam. Mọi sinh hoạt chính trị, kinh tế và xã hội của cộng đồng thời Lý thường diễn ra ở chùa. Nhưng từ giữa đời Trần, các sinh hoạt đó được chuyển sang đình và truyền thống đó được giữ cho đến tận đời Nguyễn. Đình còn là nơi nghỉ ngơi, dừng chân của vua hoặc các quan lớn đi vi hành, tuần du. Đình làng là nơi tụ họp, bàn bạc công việc và là nơi thờ cúng Thành Hoàng. Chùa dùng nhân, nghĩa để trị dân, đình dùng pháp trị đối với dân. Đình còn là nơi thực thi lệ làng: thu thuế, xét xử khao vọng, ngả vạ... Con gái trong truyện xưa, không chồng mà chửa, bị mang ra đình ngả vạ. Những dịp lễ tết, hội hè, diễn xướng v.v... đều diễn ra ở đình và sân đình. Với người bình dân, đình cũng là nơi giao tiếp gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm làm ăn. Đình là một tập hợp kiến trúc mở, chứ không khép kín như chùa. Đình không có tường bao quanh. Từ bốn phương, tám hướng đều có thể đến với đình. Nội thất, ngoại thất của đình được trang trí nguy nga, độc đáo. Có những bức tượng, phù điêu được chạm trổ công phu đã gây ấn tượng mạnh mẽ trong giới mỹ thuật trong và ngoài nước như ở đình Liên Hiệp (Hà Tây), đình Phù Lão (Hà Bắc đình Tam Canh (Vĩnh Phú), đền Giá (Hà Nội) v.v...

Vào đình phải qua cổng tam quan và sân đình. Đình thường được dựng lên bằng nhiều cột gỗ to và dài. Người ta thường nói: “To như cái cột đình”. Còn câu: “bao giờ cây cải làm đình” là chỉ cái điều không bao giờ có thể xảy ra. Cổng đình thường rất rộng, có bể nước mưa và hòn non bộ. Nói tiếp sân là mấy bậc đá lát thềm dẫn vào đình gồm ba gian dài. Gian dài ở chính giữa gọi là chính tẩm. Bên trong gian giữa là nơi đặt bệ thờ, trên có bát hương, đỉnh trầm, cây nến, bài vị của Thành hoàng, lọ độc bình cắm hoa v.v... Sau bệ thờ là hậu cung đặt tượng Thành hoàng

ngồi trên ngai sơn son thếp vàng. Mái đình lợp ngói âm dương, viên nọ ốp lên viên kia, rủ nhau bò lên nóc cao, kéo lên 4 góc cong vút với những ngọn đao trang trí khoẻ mạnh mà bay bổng. Loại ngói này được gọi là ngói âm dương là ngói “cuộc đời”. Đôi vợ chồng nào đó thường giải bày: “áy đấy, chúng ta ăn ở với nhau có đủ cả giận, hờn, đau khổ, sướng vui và yêu thương... Tất cả cứ lợp vào nhau như mái ngói âm dương...”. Hai bên đình còn có hai dãy nhà phụ để chứa kiệu bát cống, long đình, cờ, biển, trống, chiêng, quạt, những đồ tế lễ rước xách... Đình còn ngăn riêng một gian để cúng hậu gọi là nhà hậu. Có nơi, trước mặt đình còn có một công trình kiến trúc nhỏ gọi là “phương đình” hoặc “bái đình”.

Mọi việc lớn, nhỏ trong làng được quyết định ở đình do một hội đồng kỳ mục điều khiển. Lý trưởng là thành viên cao nhất trong việc chấp pháp. Vai vế cao hơn lý trưởng có tiên chỉ. Ông ta là người đứng đầu một làng, xã Thường là người có danh vọng, nhiều chữ nghĩa và được mọi người kính trọng. Tiên chỉ ngồi riêng một mình một chiếu ở đình. Nếu vị nào có cỡ khoa bang cao hơn tiên chỉ thì được ngồi chiếu trên của tiên chỉ. Dân gian đã tả một cách châm biếm chân dung của tiên chỉ như sau: “Người đứng chiếu ngang, người sang chiếu dọc, người đọc văn tế, người bệ bát nhang, người mang cỗ đãi, người nhai thủ lợn, người trợn mắt lên...” Tiên chỉ là người có quyền thế nhất làng. Phần riêng của ông bao giờ cũng phải có miếng thịt thủ. Ngày xưa, người ta rất chú ý đến việc chọn lựa hương đình và trồng những cây cảnh to, nhỏ để tô điểm cho cảnh quan của đình. Về tổng thể, đình và những công trình phụ là những công trình xây dựng choáng ngợp và hoa mỹ. Trong dân gian, đình là một hình ảnh quen thuộc và gắn bó trong tâm hồn mỗi người dân Việt Nam:

“Qua đình ngả nón, trông đình

Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu”.

Hoặc như:

“Trúc xinh trúc mọc đầu đình

Em xinh em đứng một mình cũng xinh”

Nam nữ tình tự với nhau ở đình:

“Bên đình tôi đã si mê.

Tôi yêu người lắm, xin thề đình ơi” ...

Có anh chàng kể lể:

“Hôm qua tát nước bên đình với em...”

Sân đình thường có những cây cổ thụ, cây đại, cây si cây táo v v . .
Thị Mầu trong vở chèo Quan âm Thị Kính hát rằng:

“Tiểu như táo rụng sân đình

Em như gái dở đi rình của chua”.

Đình là ngôi nhà đẹp đẽ, trang nghiêm, to lớn nhất làng. Nó thường được ví với những gì to lớn. Cái nôi đình là nôi to. Cô gái có “một đình duyên” là Cô gái duyên dáng có thừa. Trong gam màu folkhorviệt Nam, người xưa cho rằng bộ ngực và hông của cô gái càng to thì càng đẹp. Người ta nói: “Hai phần to được tày đình, thì con người ấy càng xinh càng giòn “. Câu ca dao này phù hợp với quan niệm thẩm mỹ ngày nay, khi nhấn mạnh vòng đo số 1 và vòng đo số 3 của người phụ nữ càng lớn thì giá trị thẩm mỹ càng cao. Tiếng trống đình là tiếng trống đánh rất to, báo một điều gì quan trọng.

Người quản lý, trông nom đình là ông Từ. ông thường là người có tuổi, hiền lành, chất phác, được mọi người quý mến, có khi lại là người chay tịnh, không có vợ ông trông nom đình, thấp hương đón khách đến lễ đình trông nom vườn cây cảnh. ông cũng trồng thêm cây ăn quả để thêm vào thu nhập của cuộc sống đạm bạc, thanh bạch.

Những năm trước cách mạng tháng Tám, đình là nơi đi lại, hoạt động của một số chiến sĩ cách mạng. Từ năm 1945 trở đi, sân đình là nơi luyện tập quân sự tuyển quân, tổ chức những cuộc họp mặt hoặc mít tinh kêu gọi dân làng hưởng ứng những phong trào yêu nước, cứu nước,

đồng thời cũng là nơi tập trung của các thanh niên nhập ngũ, là nơi người thân đưa tiễn con em lên đường ra mặt trận. Trong làng có hai âm thanh đặc biệt khắc sâu trong tiềm thức mỗi người, đó là tiếng chuông “chùa và tiếng trống đình. Tiếng trống đình báo hiệu lễ cơm mới sau mùa gặt, tiếng trống mừng quân hoặc tiễn người ra tiền phương v.v...thật là xúc động.

Đình là nơi thờ Thành hoàng, có thể là tổ sư các ngành nghề, là người có Công với dân làng, là liệt sĩ, anh hùng . dân tộc như Hai Bà Trưng, phùng Hưng v.v... và có khi cũng là một con người bình thường.

Ở nước ta còn giữ lại được nhiều ngôi đình lớn hoành tráng, tiêu biểu cho nền nghệ thuật kiến tạo đình chùa truyền thống của Việt Nam như: đình làng Đình Bảng, đình Chu Quyến, đình Tây Đằng, đình Triều Khúc, đình Kim Liên, đình Chèm... đó là những di Sản văn hóa vô giá của dân tộc. Tiến sĩ A. Samadi, nhà nghiên cứu mỹ học người philippine đã viết: “Đến Việt Nam mà không đến thăm mấy ngôi đình là chưa biết gì về Việt Nam” .

Ngôi đình, một vang vọng của tâm hồn Việt Nam, từ ngàn xưa cho tới hôm nay.

CHUYỆN CÁI AO LÀNG

Một trong những hình ảnh thân thương, ăn sâu vào trí nhớ con người ở các làng quê từ thời thơ ấu cho đến lúc về già là hình ảnh những cái ao làng. Câu “còn ao rau muống, còn đầy chum tương” nói lên một cuộc sống thanh đạm mà ung dung trong cảnh thanh bần.

Những ngày giáp Tết Nguyên đán, ở bên bờ ao thường diễn ra nhiều hoạt động náo nhiệt, ồn ào mà đầm thắm. Người ta tát cạn ao rồi chia phần cá cho nhau, có những người vớt từ dưới ao lên những cây gỗ xoan ngâm trong bùn từ tháng giêng để chuẩn bị làm nhà hoặc sửa nhà. Nhiều người chung nhau một con lợn và mổ thịt ngay bên bờ ao, chia thịt, luộc lòng...Người ta rửa lá dong để gói bánh chưng...thật tấp nập và nhộn nhịp. Phong cảnh cái ao thật đẹp. Mùa xuân, các đám cưới đủ màu sắc ngả bóng xuống ao làng với những tà áo, khăn, nón xanh xang. Dáng đi của những người dự đám cưới in xuống nước như say như tỉnh. Mùa hạ, trên mặt ao có sen quý trắng, sen điệp hồng hoặc hoa súng...toả ra một mùi thơm nhẹ. Bên cạnh những bông hoa súng thường có những con chim cuốc đen lủi thủi. Lại có câu: “Ao cá trê, êm ả ngủ chờ sung” hoặc: “bèo lạnh cầu ao, ai đợi chờ?...” Cái ao cũng dự báo mùa thu đến: Bờ ao hiu hắt, nước trong xanh, hay: “Ao thu lạnh lẽo nước trong veo”. Đó là lúc cuối thu đầu đông.

Bờ ao thường được “trang điểm” bằng các loài cây quen thuộc như cây vối, cây sung, rặng cúc tần cổ tích, vương vít những đàn gà con có màu hoàng yến. Bờ ao trong sáng như ca dao.

Một góc ao được bắc giàn mướp để cho những quả bầu, quả mướp rủ xuống. Những khi hoa mướp nở làm vàng rộm cả một góc ao với những cánh bướm bay đi, bay lại. Năm 1937 - 1938, ở bìa một số báo Tết có đăng ảnh một cô gái duyên dáng cùng với mấy lời chú thích:

“Thoảng tiếng vàng thanh tao